

Bản án số: **09/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 19/04/2023
V/v : *Tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY - TP HÀ NỘI:

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông **Nguyễn Văn Lương**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Đỗ Hảo Hoàn**

Bà **Phạm Thị Lâm Anh**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa : Bà **Nguyễn Thị Thanh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy;

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Lan Phương** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 04 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 610/2022/LHST ngày 22/11/2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/03/2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Diệu H** – sinh năm 1987

Địa chỉ: Số 4 phố P, phường M, quận K, Hà Nội (Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh B** – sinh năm 1987

Địa chỉ: Số 28 ngõ 127/34 L, tổ 6 phường N, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Hiện đang tập trung cải tạo tại: Trại giam Suối 2, V, Hà Nội. (Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 11/11/2022 nộp tại Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Diệu H trình bày:

Về tình cảm: Tôi và anh Nguyễn Thanh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/10/2010 tại UBND phường Y, quận G, Thành phố Hà Nội. Khoảng năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của chúng tôi chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính cách, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Năm 2021, chồng tôi bị bắt do phạm tội mua bán trái phép chất ma túy, hiện đang tập trung cải tạo tại Trại giam Suối 2. Nay tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, đề nghị Tòa án cho tôi được ly hôn.

Về con chung: Tôi và anh Nguyễn Thanh B có 01 con chung là cháu Nguyễn Hồng A (Giới tính: Nữ) - Sinh ngày 03/08/2010. Hiện cháu đang ở với mẹ, mặc dù cháu A sinh trước khi đăng ký kết hôn nhưng tôi xác định cháu A là con chung của tôi

với anh B. Khi ly hôn, tôi xin được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tôi và anh Nguyễn Thanh B không có tài sản chung. Khi ly hôn, tôi không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Tôi xác nhận vợ chồng không cho ai vay nợ, không vay nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Tôi tự nguyện nộp cả 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại biên bản ghi lời khai của đương sự - anh Nguyễn Thanh B trình bày:

Về tình cảm: Tôi và chị Nguyễn Diệu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/10/2010 tại Ủy ban nhân dân phường Y, quận G, Thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ khoảng năm 2015. Nguyên nhân mâu thuẫn của chúng tôi chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính cách, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn, tôi nhất trí.

Về con chung: Tôi và chị Nguyễn Diệu H có 01 con chung là cháu Nguyễn Hồng A (Giới tính: Nữ) - Sinh ngày 03/08/2010. Hiện cháu đang ở với mẹ, mặc dù cháu A sinh trước khi đăng ký kết hôn nhưng tôi xác định cháu A là con chung của tôi với chị H. Khi ly hôn, tôi đồng ý để chị H nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, khi nào có điều kiện tôi sẽ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tôi và chị Nguyễn Diệu H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tôi xác nhận vợ chồng không cho ai vay nợ, không vay nợ ai, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Do đang phải cải tạo tập trung nên tôi đề nghị xét xử vắng mặt.

TẠI PHIÊN TÒA

Chị Nguyễn Diệu H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Thanh B, khi ly hôn chị H xin nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng, về tài sản chung và nợ chung chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Thanh B vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

PHẦN TRANH LUẬN TẠI PHIÊN TÒA

Tại phiên tòa chị Nguyễn Diệu H không có ý kiến gì trong phần tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng, đảm bảo quy định của pháp luật trong quá trình từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn và bị đơn tuân thủ chấp hành đúng nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Diệu H và anh Nguyễn Thanh B là trầm trọng. Vì vậy đề nghị HĐXX Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy:

1. Xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Diệu H. Chị Nguyễn Diệu H được ly hôn với anh Nguyễn Thanh B.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Diệu H và anh Nguyễn Thanh B có 01 con chung là cháu Nguyễn Hồng A (Giới tính: Nữ) - Sinh ngày 03/08/2010. Giao cháu A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Nguyễn Thanh B cho đến khi có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Diệu H và anh Nguyễn Thanh B không có tài sản chung, không cho ai vay nợ và không vay nợ ai, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không giải quyết

4. Về án phí: Chị Nguyễn Diệu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bị đơn anh Nguyễn Thanh B có hộ khẩu thường trú tại, phường N, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Anh B hiện đang tập trung cải tạo tại Trại giam S, V, Hà Nội. Quận Cầu Giấy là nơi anh B thường trú trước khi đi tập trung cải tạo, vì vậy Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy thụ lý giải quyết vụ án “Ly hôn” là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn Thanh B đang tập trung cải tạo nên không thể tham gia hòa giải được. Căn cứ khoản 2 điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Anh Nguyễn Thanh B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Diệu H tự nguyện kết hôn với anh Nguyễn Thanh B, có đăng ký kết hôn ngày 04/10/2010 tại Ủy ban nhân dân phường Y, quận G, Thành phố Hà Nội là hôn nhân hợp pháp.

[3] *Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:* Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, đến năm 2021 anh B phải đi tập trung cải tạo nên vợ chồng càng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Bản thân chị H không muốn chờ đợi để vợ chồng quay về đoàn tụ, chị xác định đã hết tình cảm, nên chị xin ly hôn. Anh Nguyễn Thanh B cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn, anh đồng ý. Điều này thể hiện hai bên không còn mong muốn tiếp tục cuộc sống vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh B là phù hợp quy định Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] **Về con chung:** Xác định chị Nguyễn Diệu H và anh Nguyễn Thanh B có 01 con chung là cháu Nguyễn Hồng A (Giới tính: Nữ) - Sinh ngày 03/08/2010. Cháu A mặc dù sinh trước ngày anh chị đăng ký kết hôn nhưng anh B, chị H cùng khẳng định cháu A là con chung của anh chị. Hiện cháu đang ở cùng chị H. Khi ly hôn, chị H xin nuôi con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B hiện đang tập trung cải tạo, không có khả năng thực tế chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên xét thấy cần giao cháu A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên ghi nhận sự tự nguyện của chị H và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh B cho đến khi có sự thay đổi khác.

[5] **Về tài sản và nợ chung:** Chị Nguyễn Diệu H và anh Nguyễn Thanh B xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không giải quyết.

[6] **Về án phí và quyền kháng cáo:** Chị Nguyễn Diệu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Diệu H. Chị Nguyễn Diệu H được ly hôn anh Nguyễn Thanh B.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Diệu H và anh Nguyễn Thanh B có 01 con chung là cháu Nguyễn Hồng A (Giới tính: Nữ) - Sinh ngày 03/08/2010. Khi ly hôn, giao cháu A cho chị Nguyễn Diệu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh B đến khi có sự thay đổi khác.

Anh B có quyền thăm hỏi chăm sóc giáo dục con chung, chị H và những người thân trong gia đình chị H không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Diệu H và anh Nguyễn Thanh B không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Diệu H phải chịu **300.000 đồng** (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Nguyễn Diệu H đã nộp tại biên lai số AA/2020/0019001 ngày 17/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy. (Chị H đã nộp đủ án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Diệu H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Thanh B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của anh B.

Nơi nhận :

- TAND Tp. Hà Nội;
- VKS Q. Cầu Giấy,
- VKS Tp. Hà Nội;
- Chi cục THADS Q. Cầu Giấy;
- Các đương sự;
- UBND phường Y;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Lương